TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 775/2025/DSST
Ngày: 25 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.

2. Ông Đinh Hoàng Việt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐHPT-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Trụ sở: A T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị O (Có mặt).

Địa chỉ: 1 N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 1280/UQ-CN10-P.TH ngày 07/7/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C).

Bị đơn: 1. Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Căn cước số: 079066009445

2. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

CMND số: 025520640

Cùng địa chỉ: A M, phường P (trước đây là Phường A, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị O đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) ký với ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T theo Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940 vào ngày 24/06/2019, số tiền là 2.750.000.000 đồng, mục đích vay dùng để thanh toán chi phí mà khách hàng đã huy động tạm thời từ người thân để nhận Quyền sử dụng đất và mua nhà ở tại A M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ đời sống, thời hạn cho vay là 204 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh tháng/lần (tại thời điểm nhận nợ là 9,2%/ năm theo chương trình "Lãi suất ưu đãi, Vững chãi tương lai". Ngân hàng V đã giải ngân cho ông S và bà T số tiền 2.750.000.000 đồng vào ngày 28/06/2019 theo Giấy nhận nợ số 01.156.2019/GNN.BL ngày 28/06/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại kỳ thanh toán ngày 25/04/2023 và do không khắc phục vi phạm, toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T thế chấp bất động sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số A M, Phường A, Quận H, TP . theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 00168/2003 do U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2003 chủ sở hữu là ông Vũ Ngọc S theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 123.BL/2018/HĐBĐ/NHCT940 ngày 11/07/2018, số công chứng 009931, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 123.BL/2018/HĐBĐ/NHCT940-SĐBS01 ngày 24/06/2019, số công chứng: 011568, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản đăng ký thể chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh Q ngày 11/07/2018.

Mặc dù Ngân hàng V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, xử lý tài sản thế chấp nhưng ông Vũ Ngọc S - bà Nguyễn Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng V.

Nay, Ngân hàng V yêu cầu Toà án buộc của ông Vũ Ngọc S, bà Nguyễn Thị Bích T phải trả ngay cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 2.195.803.326 đồng, trong đó nợ gốc là 1.930.609.933 đồng và lãi quá hạn là 265.193.393 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 26/9/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940- ngày 24/06/2019 và giấy nhận nợ giữa Ngân hàng V với ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T.

Trường hợp ông Vũ Ngọc S – bà Nguyễn Thị Bích T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án

dân sự có thẩm quyền phát mãi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà ông S, bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Vũ Trí H và bà Trương Thị H1 trình bày: Ông H là anh ruột của ông S, bà H1 là chị dâu của ông S, do ông S bà T hiện nay đang ở nước ngoài, trước khi đi thì có nhờ chúng tôi lên trông nhà giúp. Chúng tôi chỉ qua đây quét dọn, trông nhà cho các em, chúng tôi cũng không cư trú tại đây. Khi nhận được thông báo của Toà án chúng tôi đã liên hệ và thông tin cho ông S, bà T biết về việc Toà án đã thụ lý và đang giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng V với ông S, bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên toà. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu và yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín

dụng". Do hai bên ký hợp đồng tại Ngân hàng V Chi nhánh A (phường V), Thành phố Hồ Chí Minh nên Ngân hàng V lựa chọn thẩm quyền giải quyết là nơi phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[1.1] Xét, Giấy ủy quyền số 1280/UQ-CN10-P.TH ngày 07/7/2025 của Ngân hàng V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị O tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, bị đơn ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét, yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940- ngày 24/06/2019 giữa Ngân hàng V với ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940-ngày 24/06/2019, bản tự khai, bản tính lãi của Ngân hàng V có cơ sở xác định ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T vay của Ngân hàng V số tiền là 2.750.000.000 đồng. Đối chiếu bản sao kê do ngân hàng cung cấp ngày 25/9/2025 cho thấy, từ ngày giải ngân nhận nợ đến nay, ông S và bà T đã trả được nợ gốc là 819.390.067 đồng và tiền lãi là 1.308.946.720 đồng. Như vậy, bị đơn còn thiếu số tiền gốc là 1.930.609.933 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là 265.193.393 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả (áp dụng cho nợ lãi chậm trả) theo quy định tại Điều 3 Phần 2 Điều kiện, Điều khoản chung của Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho

vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940-ngày 24/06/2019 của Ngân hàng V với ông S, bà T được áp dụng lãi suất trong hạn là "*Số tiền lãi trong hạn (=) (dư nợ gốc trong thực tế (x) lãi suất cho vay trong hạn (x) số ngày vay thực tế)/365"*. Do ông S và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng áp dụng lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là "*Số tiền lãi đối với dư gốc bị quá hạn bằng (=) (dư nợ gốc thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn)/365" và "Số tiền lãi chậm trả lãi bằng (=)(Số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả thực tế)/365"*. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng cho vay*". Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 25/9/2025) là 265.193.393 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 18.100.852 đồng và lãi quá hạn là 247.092.541 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi ông S và bà T thanh toán xong nợ theo Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940-ngày 24/06/2019 giữa Ngân hàng V và ông S, bà T.

[2.3] Xét, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ:

Căn cứ vào Điều 294, 295 của Bộ luật Dân sự và Điều 1, 2 và Điều 5 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 123.BL/2018/HĐBĐ/NHCT940 ngày 11/07/2018 giữa Ngân hàng V và ông S, bà T quy định trường hợp các bên vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì Ngân hàng V được quyền xử lý tài sản bảo đảm của người thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, kể từ ngày giải ngân đến nay ông S, bà T thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ đối với Ngân hàng V đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của ông S, bà T là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 196-13-1, tờ bản đồ số 1C (SĐN), P15-Q8 tại địa chỉ A M, phường P (trước đây là Phường A, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh hồ sơ gốc số 00168/2003 do UBND Quận 8 Thành phố U cấp ngày 14/02/2003 và các tài sản gắn liền với đất của ông Vũ Ngọc S để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*". Do

yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*". Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm liên đới trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là 2.195.803.326 (Hai tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 1.930.609.933 (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng), lãi quá hạn là 247.092.541 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), lãi trong hạn là 18.100.852 (Mười tám triệu, một trăm nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng).

1.2 Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 26/9/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV/NHCT940 ngày 24/06/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 83.BL/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT940 ngày 24/6/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C với ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T.

1.3 Trường hợp ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu

cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 196-13-1, tờ bản đồ số 1C (SĐN), P15-Q8 tại địa chỉ A M, phường P (trước đây là Phường A, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 00168/2003 do Ủy ban nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2003 và các tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Ngọc S, để thu hồi nợ.

1.4 Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2. Về chi phí tố tụng là 10.000.000 (Mười triệu đồng), ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 75.916.067 (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm mười sáu nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng), ông Vũ Ngọc S và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 37.169.411 (Ba mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm mười một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075416 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4, TP. HCM,
- THADS, TP.HCM,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Nguyễn Phương Lan